TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2020/HS-PT Ngày 11-02-2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thúc L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2019/HS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thúc L**, sinh năm 1950; tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thúc Đ và bà Lê Thị C1 (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, Nguyễn Thúc L có gặp và thuê ông Đậu Văn D1 (đã chết năm 2013) làm giả Giấy chứng nhận bị thương số 1039/GCN ngày 20/4/1975, của Trung đoàn 176 có chữ ký và được đóng dấu đứng tên Trung tá Nguyễn Thiện C2, và Quyết định phục viên số 141/QĐ ngày 15/6/1976, của Trung đoàn 176 có chữ ký và được đóng dấu đứng tên Thiếu tá Trần Đình T, với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, ông Đậu Văn D1 hướng dẫn Nguyễn Thúc L sử dụng các giấy tờ giả nêu trên lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thương binh gồm: Bản khai cá nhân, đơn xin giám

định thương tật, biên bản đề nghị xác định thương binh, rồi L mang tất cả các loại giấy tờ trên đi làm thủ tục xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, sau đó gửi đến Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk đề nghị giám định thương tật.

Ngày 12/8/2010, Hội đồng giám định y khoa Quân khu 5 về tại Bệnh viện 48, thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk để tiến hành giám định thương tật đối với Nguyễn Thúc L. Tại biên bản giảm định thương tật số 14010/GĐYK ngày 12/8/2010 của Hội đồng giám định y khoa Quân khu 5 thể hiện:

"KẾT QUẢ KHÁM HIỆN TẠI: Hội chứng suy nhược thần kinh sau chấn thương sọ não, giảm thích lực 02 tại, giảm thị lực 02 mắt do sức ép vết thương mi trên mắt trái. Gãy 1/3 dưới xương trụ trái đã can. Chấn thương cột sống, thoái hóa L5.

KẾT LUẬN: Đồng chí Nguyễn Thúc L được xác định tỉ lệ suy giảm khả năng lao động là 33% vĩnh viễn…đề nghị giải quyết chế độ thương tật loại A".

Ngày 28/02/2011, Phòng chính sách Cục Chính trị Quân khu 5 có giấy giới thiệu di chuyển hồ sơ và trợ cấp ưu đãi người có công về việc đăng ký quản lý và chi trả trợ cấp đối với Nguyễn Thúc L. Theo bảng kê của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk thì số tiền Nguyễn Thúc L đã nhận trợ cấp từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2015 tổng cộng là 100.501.000 đồng, gồm các khoản tiền trợ cấp hàng tháng là 91.812.000 đồng; tiền quà lễ, tết là 4.550.000 đồng và tiền điều dưỡng là 4.130.000 đồng.

Kết quả điều tra, xác minh: Danh sách quân nhân từ năm 1971 – 1976 của C5, D44, E176 hiện không còn lưu giữ tại Trung đoàn nên không tìm thấy danh sách ông Nguyễn Thúc L; danh sách quân nhân bị thương của Trung đoàn đã bàn giao cho bộ phận chính sách của Sư đoàn nên Trung đoàn không có cơ sở xác định ông Nguyễn Thúc L có bị thương hay không. Tài liệu lưu trữ trại Trung đoàn hiện không còn, nên không xác định được Giấy chứng nhận bị thương số 1039/GCN ngày 20/4/1075 và Quyết định phục viên số 1176/QĐ ngày 15/6/1976 có phải do Trung đoàn 176 cấp cho ông Nguyễn Thúc L hay không, không xác định được Trung tá Nguyễn Thiện C2 và Thiếu tá Trần Đình T có công tác tại Trung đoàn tại thời điểm nêu trên hay không. Trung đoàn 176 cung cấp 01 tài liệu mẫu văn bản lưu trữ là Quyết định số 10/QĐ ngày 20/6/1975 của Trung đoàn 176 về việc kỉ luật quân nhân.

- Theo tư liệu lịch sử thì Trung đoàn 176 thành lập ngày 30/3/1973, thuộc Bộ tư lệnh Đoàn 128 Quân khu 4; tháng 01/1987 Trung đoàn trực thuộc Bộ tư lệnh Binh đoàn 678 (đoàn chuyên gia quân sự giúp bạn); vì vậy, thời điểm tháng 02/1971 – 6/1976 thì Trung đoàn 176 không có trong biên chế Sư đoàn 968. Qua kiểm tra danh sách quân nhân bị thương hiện đang lưu giữ tại Trung đoàn 176, Sư đoàn 968 không có tên ông Nguyễn Thúc L.

- Đối với Giấy chứng nhận bị thương số 1039/GCN đề ngày 20/4/1975 của Trung đoàn 176 ghi cấp cho Nguyễn Thúc L – ký hiệu A147.1, xác định: Phần chữ in phôi tài liệu được hình thành bằng các hạt mực laze. Hình dấu mang tên "Trung đoàn 176" trên tài liệu ký hiệu A147.1 với hình dấu cùng tên trên Phiếu khám sức khỏe đề ngày 10/5/1976 của ông Nguyễn Thúc L – ký hiệu A147.2 là do cùng một

con dấu đóng ra, ngoại trừ hai số "176" là được viết, vẽ bằng tay.

- Phòng Chính sách – Quân khu 5 đã tra cứu, rà soát trên hệ thống dữ liệu lưu trữ có thể hiện việc quản lý hồ sơ thương binh của ông Nguyễn Thúc L; tuy nhiên quá trình kiểm tra, tìm kiếm tại kho lưu trữ hồ sơ thương binh chưa tìm thấy hồ sơ thương binh của ông Nguyễn Thúc L.

Tại bản Kết luận giám định số 698/PC09 ngày 17/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 176" dưới mục "Thủ trưởng trung đoàn 176" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu có nội dung "QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 176" dưới mục "T/M B.C.H TRUNG DOAN" trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tròn có nội dung "QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 176" dưới mục "Thủ trưởng Trung đoàn 176" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được hình thành bằng phương pháp đóng trực tiếp, nội dung hình dấu không bị chỉnh sửa;

- Chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được hình thành bằng phương pháp photocopy;

- Không đủ cơ sở để xác định loại mực in phần chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1;

- Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thúc L trong tài liệu mẫu so sánh M2, M3 là không phải do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thúc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức";

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thúc L** 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thúc L** 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thúc L phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thúc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thúc L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm điểm e khoản 2 Điều 139 và điểm c khoản 2 Điều 267Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 năm tù về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành 04 năm tù là có phần nghiêm khắc; bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, già yếu. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lành để sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Xử phạt Nguyễn Thúc L 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Xử phạt Nguyễn Thúc L 01 (một) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thúc L phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không tranh luận gì thêm chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào năm 2009, Nguyễn Thúc L đã lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công với Cách mạng nên đã thuê Đậu Văn D1 (đã chết 2013) làm giả giấy tờ, hồ sơ thương binh và sử dụng nhằm mục đích gian dối với các cơ quan chức năng để được hưởng chế độ trợ cấp. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2015 bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền là 100.501.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo L cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội danh trên theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 và điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thúc L xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt: 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đã nộp lại toàn bộ số tiền 100.501.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt cho Sở lao động - thương binh xã hội tỉnh Đắk Lắk, bị cáo là người có công với Cách mạng (được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 2), có thời gian tham gia quân ngũ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và bị cáo hiện đã già yếu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được quy định tại các điểm b, s, x khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Lành có nhiều hơn 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng; do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả 02 tội danh là phù hợp và cũng đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Do đó cần chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thúc L - Sửa bản án sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017:

Xử phạt **Nguyễn Thúc L** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017:

Xử phạt **Nguyễn Thúc L** 01 (một) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thúc L phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thúc L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn